

Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài và vai trò của Tòa án trong quá trình tố tụng trọng tài

Đào Trí Úc*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tóm tắt. Bài viết đề cập đến thẩm quyền của Hội đồng trọng tài và vai trò của Tòa án trong quá trình tố tụng trọng tài đối với các tranh chấp thương mại để làm rõ những vấn đề đặt ra ở Việt Nam hiện nay.

1. Về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Luật Trọng tài Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Luật sẽ thay thế Pháp lệnh Trọng tài Thương mại của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 2003.

Kế thừa pháp lệnh TTTM năm 2003 và trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn giải quyết các tranh chấp kinh doanh, vận dụng tối đa các chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế, Luật ngày 17/6/2010 có nhiều điểm mới cơ bản. Trong số các điểm mới đó có những quan điểm và quy định liên quan đến *thẩm quyền của Hội đồng trọng tài trong quá trình tố tụng trọng tài*. Những quy định mới này là kết quả không chỉ của quá trình tổng kết thực tiễn, trao đổi kinh nghiệm, vận dụng các nguyên lý và thực tế phổ biến trong phạm vi quốc tế, mà còn là kết quả của một quá trình tranh luận giữa các quan điểm liên quan đến bản chất và tính chất của Trọng tài, phạm vi thẩm quyền của Trọng tài, mối quan hệ giữa Trọng tài và Tòa án; v.v...

Có thể thấy rõ một điều rằng, hoạt động của Trọng tài rất khác với hoạt động của Tòa án trong một quốc gia. Nếu như các thẩm quyền của Tòa án bao gồm thẩm quyền xét xử và ra phán quyết là do pháp luật quy định để Tòa án nhân danh quyền lực nhà nước mà hoàn toàn có thể độc lập để xét xử và ra phán quyết thì Hội đồng trọng tài được chi phối bởi nhiều yếu tố cùng một lúc: trước hết là ý chỉ của các bên thông qua thỏa thuận trọng tài và sự lựa chọn trọng tài viên; kế đó là sự điều chỉnh của pháp luật liên quan đến thỏa thuận trọng tài và ảnh hưởng của pháp luật nơi tiến hành trọng tài và nơi thi hành quyết định trọng tài.

Chính vì vậy, về bản chất, Trọng tài, mà cụ thể là Hội đồng trọng tài (HĐTT) luôn luôn phải có đủ tố chất để, một mặt, bảo đảm sự ổn định và hiệu lực của phán quyết, bảo đảm tính chung thẩm của phán quyết trọng tài và ràng buộc của các bên, mà suy cho cùng là tạo niềm tin của các bên vào kết quả giải quyết tranh chấp; mặt khác, đó là áp lực từ phía những lợi ích công trước khả năng sai lầm của việc giải quyết tranh chấp bởi những lý do từ phía các Trọng tài viên. Suy cho cùng, đó là đòi hỏi của nguyên tắc giải quyết tranh chấp công bằng.

* ĐT: 84-4-37547787.
E-mail: ucbich@yahoo.com

Xuất phát từ những quan điểm đó, Luật Trọng tài Thương mại (TTTTM) Việt Nam năm 2010 đã quy định một hệ thống các thẩm quyền của HĐTT nằm rải rác ở nhiều chương, điều, khoản khác nhau, nhưng có thể chia ra làm mấy loại thẩm quyền sau đây:

- Thẩm quyền do các bên trao cho Hội đồng;
- Thẩm quyền do Pháp luật quy định;
- Thẩm quyền do chính Hội đồng quyết định cho mình;

a) Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài do các bên trao

Như đã nêu ở trên, bản chất chủ yếu của Trọng tài là ở chỗ Hội đồng Trọng tài chỉ tồn tại khi có ý chí của các bên tranh chấp. Khác hẳn với Tòa án, vụ việc được HĐTT giải quyết chính là do các bên đưa ra và có thể nói không sai rằng, HĐTT là Hội đồng của các bên, cho dù đó là Hội đồng của Trọng tài thường trực hay là Trọng tài *ad hoc*.

Vì vậy, những thẩm quyền đầu tiên là những thẩm quyền mà các bên trao cho Hội đồng dưới hai hình thức: trực tiếp và gián tiếp.

Luật Trọng tài Thương mại Việt nam năm 2010 xác định các thẩm quyền mà Hội đồng có được do các bên tranh chấp trao trực tiếp cho Hội đồng. Đó là các thẩm quyền được biểu đạt theo cách: “Nếu các bên không có thỏa thuận khác”, “trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”. Theo đó, ý chí của các bên mặc nhiên được chuyển thành thẩm quyền của HĐTT. Đó là những trường hợp liên quan đến địa điểm giải quyết tranh chấp (Điều 11), gửi thông báo và trình tự gửi thông báo (Điều 12), Luật áp dụng trong trường hợp tranh chấp có yếu tố nước ngoài (khoản 2 Điều 14); thẩm quyền tìm hiểu sự việc từ người thứ ba với sự có mặt của các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên biết (Điều 46), quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ tranh chấp, quyền trưng cầu giám định, tham vấn ý kiến chuyên gia, định giá tài sản trong vụ tranh chấp để làm căn cứ cho việc giải quyết tranh chấp (Điều 47), triệu tập người làm chứng (Điều 48).

Điểm rất mới của Luật TTTM Việt Nam năm 2010 là quy định về thẩm quyền của HĐTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Các Điều 50, 51) và thay đổi, bổ sung, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 52).

Về nguyên tắc, HĐTT không được tự mình quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, mà chỉ được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi có yêu cầu của một trong các bên tranh chấp. Trường hợp Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đúng yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại cho bên bị áp dụng hoặc cho người thứ ba, thì HĐTT không phải chịu trách nhiệm bồi thường mà bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, nếu HĐTT quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bên yêu cầu mà gây thiệt hại cho bên bị áp dụng hoặc người thứ ba thì HĐTT phải bồi thường.

Như vậy, thẩm quyền này thuộc loại thẩm quyền hoàn toàn do các bên xác định và trao cho HĐTT. Về lý thuyết, có thể phát sinh hai trường hợp: Trường hợp HĐTT áp dụng đúng biện pháp mà đương sự yêu cầu, nhưng quá mức độ yêu cầu, và trường hợp HĐTT áp dụng biện pháp khác so với biện pháp mà đương sự yêu cầu, và trong cả hai trường hợp đều gây thiệt hại cho bên bị áp dụng hoặc cho người thứ ba.

Xuất phát từ quan điểm về ý chí trực tiếp của các bên trong việc trao quyền cho HĐTT, Luật TTTM 2010 đã chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại thuộc về HĐTT (Điều 51).

a) Thẩm quyền do pháp luật quy định

Luật TTTM năm 2010 đã có những quy định mới so với Pháp lệnh TTTM năm 2003 theo hướng giao cho HĐTT những thẩm quyền nhằm hai mục đích: bảo đảm tính chung thẩm và phán quyết trọng tài và bảo vệ lợi ích công. Những quy định đó được thể hiện theo hai cách: 1) Pháp luật trao thẩm quyền trực tiếp cho HĐTT hành xử vấn đề nảy sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp; 2) Pháp luật quy định thẩm quyền của Tòa án quyết định thay cho HĐTT.

Những thẩm quyền mà pháp luật trao cho HĐTT tự quyết định là xuất phát từ nhận thức được thừa nhận rộng rãi rằng, tuy HĐTT được thành lập và tồn tại là do ý chí của các bên nhưng một khi đã tồn tại rồi thì Hội đồng buộc phải đứng ở vị trí vững vàng về chuyên môn nhằm chứng tỏ khả năng cân bằng ý chí của các bên và yêu cầu của trật tự công. Quyết định hay phán quyết của HĐTT là của Hội đồng chứ không thể là của các bên. Tính chất tài phán của HĐTT chính là chỗ đó. Do đó, có thể nói không sai rằng, quyền lực và ý chí của các bên đã được chuyển giao cho HĐTT kể từ khi Hội đồng được thành lập và đi vào hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Luật TTTM năm 2010, những trường hợp sau đây là trường hợp thẩm quyền của HĐTT được xác định bởi pháp luật mà không do các bên quyết định:

Luật áp dụng đối với các trường hợp tranh chấp không có yếu tố nước ngoài. Trong trường hợp đó, luật áp dụng để giải quyết tranh chấp là pháp luật Việt Nam (khoản 1, 4 Điều 14). Phí trọng tài (khoản 2, Điều 35); Quyền của HĐTT không chấp nhận các sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại hoặc bản tự bảo vệ nếu thấy rằng việc đó có thể bị lạm dụng nhằm gây khó khăn, trì hoãn việc ra phán quyết trọng tài hoặc vượt quá phạm vi của thỏa thuận trọng tài áp dụng cho vụ tranh chấp (khoản 2 Điều 38).

Luật TTTM năm 2010 đã xác định rõ ràng hơn, đầy đủ hơn về trách nhiệm của Tòa án đối với hoạt động của Trọng tài với nhận thức sâu sắc rằng, không thể có Trọng tài có hiệu quả nếu không có Tòa án tốt, với sự hỗ trợ đặc lực của Tòa án.

Từ phương diện thẩm quyền của HĐTT, việc yêu cầu Tòa án có thể được chia làm hai loại: 1) Những trường hợp Tòa án “hậu thuẫn mang tính quyền lực” cho việc thực hiện các quyết định của HĐTT để các quyết định đó có thể được thực hiện; 2) Những trường hợp Tòa án chỉ đơn thuần là hỗ trợ cho HĐTT.

Các quy định về đề nghị của HĐTT để Tòa án triệu tập người làm chứng, thu thập chứng cứ

(các Điều 47, 48) là những quy định thuộc trường hợp thứ nhất; các quy định về đăng ký phán quyết trọng tài (Điều 63) là quy định thuộc trường hợp thứ hai.

Trong tố tụng trọng tài, về bản chất, có thể hiểu những thẩm quyền của Tòa án phát sinh từ yêu cầu của HĐTT chính là thẩm quyền của HĐTT chứ không đơn thuần là thẩm quyền của Tòa án. Chẳng qua, các thẩm quyền đó được chuyển hóa thành những thẩm quyền có tính quyền lực của Nhà nước [1].

b) Thẩm quyền tự quyết của Hội đồng trọng tài

Một trong những loại thẩm quyền đặc thù của HĐTT là thẩm quyền tự xem xét về năng lực pháp lý của mình trong những vụ việc cụ thể. Về thực chất, trọng tài mang bản chất một thiết chế tài phán và điều đó đòi hỏi các Trọng tài viên phải thực hiện chức năng của mình một cách độc lập, vô tư. Trọng tài viên không phải là luật sư do các bên chỉ định cho mình, mặc dù về thực tế cũng do các bên chỉ định. Họ không phải là người của các bên, do đó phải tự xét đoán tự do, độc lập, vô tư để tránh mọi sự nghi ngại có thể có.

Luật TTTM Việt Nam năm 2010 đã xuất phát từ nguyên tắc đó để quy định chế định khước từ trọng tài cho hai trường hợp: khước từ trọng tài viên (từ phía các bên) và tự khước từ của HĐTT hay còn gọi là khước từ thẩm quyền. Khước từ thẩm quyền có hai loại: khước từ một phần thẩm quyền và khước từ toàn phần giải quyết vụ việc.

Điều 44 Luật TTTM năm 2010 quy định: Trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, HĐTT phải xem xét về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài: thỏa thuận có thuộc trường hợp không thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền của mình. Trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình hoặc xác định rõ là thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì HĐTT quyết định đình chỉ việc tranh chấp và thông báo ngay cho các bên biết. Đành rằng, quyết định này của HĐTT có thể bị Tòa án bác bỏ theo đơn khiếu nại của các bên (Điều 45),

tuy nhiên, HĐTT vẫn có thẩm quyền tự xem xét thẩm quyền của mình (thẩm quyền về thẩm quyền). Đây là quyền phái sinh từ việc chỉ định Hội đồng nhằm bảo đảm cho HĐTT có thể thực hiện được trách nhiệm của mình. Đó là mặt thứ nhất của thẩm quyền về thẩm quyền

Mặt thứ hai của nguyên lý “thẩm quyền về thẩm quyền” là thẩm quyền tự quyết định khi có những phản đối về thẩm quyền của mình, khi các bên cho rằng Hội đồng không có thẩm quyền giải quyết vụ việc này.

2. Tòa án và Trọng tài trong tố tụng giải quyết tranh chấp thương mại

Là hai phương thức giải quyết tranh chấp có nhiều điểm tương đồng nhưng chỉ khác nhau về tính chất công và tư, Tòa án, Trọng tài luôn luôn là đối tượng lựa chọn tự do của các bên tranh chấp. Mặc dù vậy, nhận thức về vai trò, vị trí của từng thiết chế đó cũng rất khác nhau, không chỉ trong các giới kinh doanh mà ngay cả trong tư duy của các thẩm phán, nhất là trong vấn đề về mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài. Bằng chứng là nhiều quốc gia đã phải có những nỗ lực cải cách chính sách và đổi mới pháp luật theo hướng khuyến khích lựa chọn Trọng tài, xác định ngày càng rõ hơn vai trò của Tòa án đối với hoạt động của Trọng tài. Chính sách khuyến khích sử dụng Trọng tài đều xuất phát từ nhận thức chung là bảo đảm để hệ thống tài phán thương mại thực sự là một trong những yếu tố quan trọng của thị trường và mức độ hiệu quả của nó là biểu hiện của mức độ hấp dẫn của thị trường. Trong khi đó, mỗi hình thức của nền tài phán, bao gồm cả Tòa án, bên cạnh những ưu điểm thì đều có những hạn chế cố hữu. Từ đó, sự tồn tại của mỗi thiết chế tài phán ngoài mục đích tự thân của nó còn có mục đích hỗ trợ cho các thiết chế khác, “lấp” đi những “khoảng trống” mà thiết chế khác không thể tự nó khắc phục được để cuối cùng tạo ra cái hiệu quả chung của hệ thống tài phán. Chính là trên cơ sở tư duy như vậy, cần làm rõ bản chất của Trọng tài và vai trò của Trọng tài trong hệ

thống tài phán thương mại trước khi xác định về mối liên hệ của nó với Tòa án và vai trò của Tòa án đối với Trọng tài.

Trước hết, nếu đặt lên “bàn cân” những điểm mạnh, điểm yếu của từng hình thức giải quyết tranh chấp thì mặc dù Trọng tài và Tòa án đều là những phương thức giải quyết tranh chấp của các bên, không cạnh tranh lẫn nhau mà bổ sung cho nhau. Thế nhưng, nếu xét từ góc độ hiệu quả, chính Tòa án phải tự nhận ra những “thế yếu” của mình trước nhu cầu thỏa mãn các mong muốn giải quyết tranh chấp của các bên, đó là:

1) Các Tòa án luôn bị quá tải công việc, điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng xét xử và làm cho vụ án bị kéo dài. Ở nước ta, hàng năm các Tòa Kinh tế ở hai thành phố lớn là Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh phải thụ lý trên 10.000 vụ án kinh tế và nhiều vụ việc dân sự. Thêm vào đó là những thủ tục tố tụng hết sức nghiêm ngặt, “Công lý bị trì hoãn là công lý bị từ chối”!

2) Các thẩm phán của Tòa án không phải bao giờ cũng chuyên về các vấn đề kinh doanh, thương mại và dù các kiến thức để giải quyết các tranh chấp đó một cách chuyên nghiệp, đặc biệt là trong các vấn đề tranh chấp thương mại quốc tế chẳng hạn như các tranh chấp về bằng sáng chế, ngân hàng, tên miền, v.v...

3) Là một thiết chế quyền lực và mặc nhiên hoạt động trong một quốc gia có chủ quyền, Tòa án thường bị chi phối về tính độc lập của nó bởi sự tác động từ nhiều phía.

4) Tính quốc tế của Tòa án không cao. Điều đó thể hiện ở nhiều sự ràng buộc khác nhau liên quan đến nguyên tắc chủ quyền quốc gia: Ngôn ngữ áp dụng phải là ngôn ngữ quốc gia, thủ tục tố tụng nhất thiết phải theo quy định của pháp luật quốc gia mà Tòa án lại là thiết chế của quốc gia đó. Phán quyết của Tòa án không mặc nhiên có sự công nhận quốc tế, điều đó chỉ xảy ra khi có một hiệp định song phương về tương trợ tư pháp giữa hai quốc gia hoặc trong khuôn khổ pháp lý của một cộng đồng các quốc gia, ví dụ như Liên minh châu Âu.

5) Tổ chức theo thẩm quyền xét xử, các bản án của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Phiên tòa xét xử nhất thiết phải công khai, trừ một số trường hợp do luật định mà các nhà kinh doanh không phải lúc nào cũng thích.

Tương ứng với những hạn chế đó của Tòa án là những ưu việt của Trọng tài, đó là:

1) Có thể nói Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp linh hoạt, và do đó có khả năng giải quyết tranh chấp mau chóng, dễ dàng, làm giảm tải một cách đáng kể số các tranh chấp thường có. Trọng tài là phương thức do các bên tự lựa chọn mà không cần đến nghi thức, không cần nhiều lần về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồng phục, trả lương cho cán bộ, chuyên viên như ở Tòa án. Đa số các quy tắc tố tụng Trọng tài rất linh hoạt trong việc xác định thủ tục Trọng tài, phiên họp giải quyết tranh chấp, thời hạn, địa điểm tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp, nơi các Trọng tài viên gặp gỡ, thời gian soạn thảo phán quyết Trọng tài. Vì vậy, ngoài sự nhanh chóng, Trọng tài còn thể hiện sự linh hoạt của nó ở tính đơn giản, dung dị, dễ tiếp cận.

2) Trong tài phán Trọng tài, các bên có thể lựa chọn các Trọng tài viên có trình độ chuyên môn cao miễn là các Trọng tài viên bảo đảm được yêu cầu về tính độc lập. Vì vậy, ở lĩnh vực chuyên môn nào cũng có thể tìm thấy những người có khả năng và trình độ đứng ra giải quyết tranh chấp trong tư cách Trọng tài viên. Điều đó là không thể được khi nói về các Thẩm phán của Tòa án.

3) Là “người của các bên”, nói cách khác, Hội đồng Trọng tài được hình thành bởi ý chí của các bên, do đó, rất ít khi phát sinh vấn đề về tính độc lập và khách quan của các Trọng tài viên.

4) Trọng tài có tính quốc tế và do vậy đây là một kênh quan trọng để giải quyết các tranh chấp có yếu tố quốc tế một cách có hiệu quả. Điều đó thể hiện ở chỗ, các bên có thể bình đẳng lựa chọn ngôn ngữ sử dụng, quy tắc tố tụng; quốc tịch của các Trọng tài viên, đại diện pháp lý. Quyết định Trọng tài dễ dàng đạt được sự công nhận quốc tế trên cơ sở các công ước

quốc tế, trước hết là Công ước New York 1958 về Công nhận và Thi hành quyết định Trọng tài. Hiện nay đã có hơn 120 nước tham gia Công ước này.

5) Phán quyết của Trọng tài là chung thẩm, không bị kháng cáo trừ trường hợp bị Tòa án tuyên hủy trên cơ sở một số điều kiện nhất định do luật định.

6) Các phiên họp giải quyết tranh chấp của Trọng tài là không công khai. Đây là một ưu điểm lớn của Trọng tài khi vụ tranh chấp liên quan đến các bí mật, nhất là bí mật thương mại và phát minh, sáng chế.

Theo logic so sánh những “phẩm chất” của Tòa án và Trọng tài, chúng ta lại cũng phải thấy rõ những điểm yếu cố hữu của Trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại so sánh cách giải quyết bằng Tòa án.

Trong trường hợp cần phải có biện pháp kịp thời và có hiệu quả nhằm ngăn chặn sự vi phạm của một bên tranh chấp như cất giấu, thủ tiêu tang vật thì Tòa án có quyền ra lệnh cưỡng chế khẩn cấp bắt giữ tang vật. Tòa án cũng có quyền cưỡng chế đối với bên thứ ba trong các trường hợp liên quan đến chứng cứ, triệu tập người làm chứng, bảo quản tài sản. Hội đồng trọng tài và Trọng tài viên không có những thẩm quyền đó. Thông thường, đối với một bên tranh chấp, HĐTT cũng có quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhưng phải nhận lệnh từ Tòa án. Đối với bên thứ ba thì tuyệt đối Trọng tài không có quyền gì.

3. Vai trò của Tòa án đối với Trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại

Chính là xuất phát từ sự hiểu biết về những thế mạnh, thế yếu của Tòa án và Trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, chúng ta có thể rút ra hai nhận định:

Thứ nhất, mối quan hệ giữa Tòa án và Trọng tài là mối quan hệ hợp tác. Có người đã ví quan hệ này như một cuộc chạy tiếp sức, mỗi bên đóng một vai trò khác nhau tại các thời điểm khác nhau của tố tụng trọng tài [2].

Thứ hai, trong mối quan hệ này, Tòa án cần xem Trọng tài như là sự bổ sung không thể thiếu được cho vai trò của mình với tư cách là một thể chế của thị trường, của xã hội và cộng đồng kinh doanh, trong việc thực thi sứ mệnh bảo đảm công lý, dùng công lý để thúc đẩy tiến bộ xã hội và hiệu quả kinh tế. Nếu không, những bất cập cố hữu của Tòa án sẽ bộc lộ lâu dài trước con mắt của công chúng. Vì vậy, về nguyên tắc, không nên có tranh chấp về ranh giới giữa thế giới công của Tòa án và thế giới tư của Trọng tài!

Xét một cách cụ thể hơn, vai trò của Tòa án đối với Trọng tài được thể hiện không giống nhau ở từng giai đoạn liên quan đến giải quyết tranh chấp.

Ở giai đoạn khi chưa thành lập Hội đồng Trọng tài, Tòa án đóng vai trò duy trì công lý, bảo đảm sự tôn trọng thỏa thuận trọng tài và ý chí của các bên trong việc đưa vụ tranh chấp ra Trọng tài. Đó là trách nhiệm từ chối thụ lý vụ tranh chấp, nếu một bên cố ý đưa nó ra Tòa án, trừ trường hợp xét thấy thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận Trọng tài không thể thực hiện được (Điều 6 Luật TTTM 2010).

Cũng ở giai đoạn này, Tòa án có vai trò quan trọng trong việc thành lập Hội đồng Trọng tài, khi các bên, tuy đã có thỏa thuận trọng tài, nhưng không đưa ra được thỏa thuận thích hợp về việc thành lập Hội đồng trọng tài, hoặc thiếu vắng các quy tắc cần thiết cho việc thành lập Hội đồng trọng tài.

Trong hoạt động Trọng tài có một quy định rất quan trọng là quy định về thẩm quyền của thẩm quyền, trong đó có vấn đề khước từ thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài. Trong trường hợp đó, cần có vai trò của Tòa án trong việc quyết định hướng giải quyết tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp, nhân vật trung tâm là các trọng tài viên. Hội đồng trọng tài và các Trọng tài viên phải chịu trách nhiệm về quá trình tố tụng trọng tài: đưa ra các thời hạn, tổ chức các phiên họp xét xử, hướng dẫn các bên về thủ tục, xem xét các bằng

chứng, các dữ kiện, lý lẽ pháp lý mà các bên đưa ra; ban hành phán quyết trọng tài.

Trong quá trình đó, Hội đồng Trọng tài được hiểu như một thiết chế tài phán thực thụ mà đặc trưng và đòi hỏi cơ bản của nó là tính độc lập, khách quan, vô tư, bảo đảm sự tin cậy của các bên tranh chấp. Vì vậy, ở giai đoạn này, mối quan hệ với Tòa án không thể được quan niệm như một sự can thiệp nào đó của Tòa án vào quá trình tố tụng. Mọi sự can thiệp hoặc mọi việc làm ảnh hưởng đến tính chất tài phán độc lập của Trọng tài đều là không hợp pháp. Vì vậy, trong giai đoạn này, chúng ta chỉ có thể nói đến sự hỗ trợ của Tòa án đối với Trọng tài: trong việc thu thập chứng cứ, bảo vệ tài sản tranh chấp, áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác. Đây có thể được coi là những biện pháp nhằm bảo đảm để quá trình tố tụng trọng tài được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả.

Pháp luật của các quốc gia và Luật mẫu và Quy tắc của UNCITRAL đều đặt ra những trường hợp theo đó Hội đồng Trọng tài có quyền đưa ra các biện pháp khẩn cấp tạm thời vào bất kỳ thời điểm nào của quá trình tố tụng. Tuy vậy, các biện pháp đó chỉ có thể có hiệu lực đối với các bên tranh chấp mà thôi.

Trong khi đó, người ta đã xác định được các tình huống sau đây, theo đó thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài không đủ để thực hiện và do đó, cần đến sự hỗ trợ của Tòa án, đó là khi:

a) Hội đồng Trọng tài không được pháp luật quy định là có thẩm quyền ban hành các biện pháp này. Trường hợp Việt Nam theo Pháp lệnh Trọng tài Thương mại năm 2003 là một ví dụ.

b) Các biện pháp đó cần được áp dụng trước khi Hội đồng Trọng tài được thành lập. Trong trường hợp này thường có 2 cách giải quyết: 1) Trọng tài thể chế có thể chỉ định 1 Trọng tài viên ra một lệnh về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sau đó Trọng tài viên này sẽ không tiếp tục được tham gia quá trình giải quyết tranh chấp, nếu biện pháp này là liên quan đến các liên tranh chấp; 2) Nhờ đến Tòa án có thẩm quyền.

c) Biện pháp khẩn cấp tạm thời liên quan đến bên thứ ba

d) Biện pháp khẩn cấp tạm thời có tính quốc tế, cần đến sự hỗ trợ của công quyền nước ngoài.

Tại giai đoạn thi hành phán quyết trọng tài cũng cần đến vai trò của Tòa án. Sở dĩ như vậy là vì, trước hết, cần hiểu phán quyết của Trọng tài là một bộ phận hợp thành của tài phán. Và mặc dù là tài phán tư, nhưng kết quả của việc thực hiện phán quyết trọng tài có ảnh hưởng đến trật tự công và lợi ích của các bên trong cộng đồng. Vì lẽ đó, sự can thiệp của Tòa án để cho phán quyết của Trọng tài được thực thi trên thực tế là một đòi hỏi của công lý và thể hiện

trách nhiệm của cơ quan tư pháp trước xã hội và người dân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Redfern, Alan and Martin Hunter, Luật pháp và thực tiễn Hội đồng trọng tài quốc tế, In lần thứ 3, Luân Đôn, Vương quốc Anh, 2004, tr.312 (tiếng Anh).
- [2] *Buhring-Uhle, Christian*, Trọng tài và hòa giải trong kinh doanh quốc tế, Luân Đôn, Vương quốc Anh, 1996, tr.425 (tiếng Anh).

Jurisdiction of the arbitral tribunal and the role of courts in arbitration proceedings

Dao Tri Uc

*School of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

In this paper, the author exposes and analyses jurisdiction of the arbitration commission and the role of court in arbitration proceedings in solving commercial disputes in Vietnam at present.